

Phần 2. YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM

Chương V. PHẠM VI VÀ THỜI HẠN BẢO HIỂM

Các thông tin trong chương này để hỗ trợ các nhà thầu khi lập các bảng giá theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu

1. Đối tượng được bảo hiểm:

STT	Tên đơn vị	Giá trị mua bảo hiểm
1	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	15.658.473.574
2	Trạm biến áp 220kV Ba Đồn	23.861.475.150
3	Trạm biến áp 500kV Quảng Trạch	192.243.708.917
4	Trạm biến áp 220kV Lao Bảo	47.388.386.952
5	Trạm biến áp 220kV Đông Hà	41.199.991.522
6	Trạm biến áp 500kV Thạnh Mỹ	145.331.020.774
7	Trạm biến áp 220kV Thạnh Mỹ	25.138.761.388
8	Trạm biến áp 220kV Tam Kỳ	40.168.771.569
9	Trạm biến áp 220kV Sông Tranh 2	28.160.186.690
10	Trạm biến áp 220kV Duy Xuyên	109.041.029.433
11	Trạm biến áp 220kV Đăk óc	72.477.639.040
12	Trạm biến áp 500kV Dốc Sỏi	291.503.773.212
13	Trạm biến áp 220kV Dung Quất	31.828.068.285
14	Trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi	24.767.051.644
15	Trạm biến áp 220kV Sơn Hà	62.795.764.550
16	Trạm biến áp 220kV Phong Điền	15.276.308.430
17	Trạm biến áp 220kV Huế	72.400.047.295
18	Trạm biến áp 500kV Đà Nẵng	160.987.778.886
19	Trạm biến áp 220kV Ngũ Hành Sơn	47.746.314.256
20	Trạm biến áp 220kV Hòa Khánh	40.144.410.515
21	Trạm biến áp 220kV Hải Châu	145.088.895.277
22	Trạm biến áp 220kV Kon Tum	87.729.979.900
23	Trạm biến áp 220kV Bờ Y	66.322.350.818
A	GIÁ TRỊ TỔNG CỘNG PHẦN TRẠM BIẾN ÁP	1.787.260.188.078
B	Nhà Kho lắp ghép Công ty Truyền tải điện 2	1.764.934.364
1	Trụ sở làm việc Công ty Truyền tải điện 2 (địa chỉ 478 đường 2/9 Phường Hoà Cường , Thành phố Đà Nẵng)	2.786.685.589
2	Nhà công trình thuộc Tổ QLVH Đồng Hới	338.879.273

3	Nhà công trình thuộc Tổ QLVH Ba Đồn (92 Quang Trung, TX Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị)	2.390.052.607
4	Nhà công trình thuộc Tổ QLVH Vĩnh Linh (94/2 Đường Quang Trung, Xã Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị)	945.765.091
5	Nhà công trình thuộc Tổ QLVH Đông Hà (Đường Lê Trọng Tấn, P. Đông Lương, Tp Đông Hà, Q. Trị)	9.232.128.870
6	Nhà điều hành sản xuất Truyền tải điện Quảng Trị (01 Đội Cán, P. Đông Lương, Tp Đông Hà, Q. Trị)	2.057.738.648
7	Nhà điều hành sản xuất Truyền tải điện Thừa Thiên Huế, ĐC: 156 Phan Chu Trinh, phường Phước Vĩnh, Quận Thuận Hóa, thành phố Huế.	4.974.062.516
8	Nhà quản lý vận hành Đội Truyền tải điện Phú Lộc, ĐC: 13 Lạc Long Quân, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, thành phố Huế.	277.057.235
9	Nhà làm việc Đội Truyền tải điện Cẩm Lệ	2.186.435.739
10	Nhà làm việc Truyền tải điện Đà Nẵng (địa chỉ 467 Núi Thành, Phường Hoà cường Nam, Quận Hải Châu, Đà Nẵng)	7.669.462.804
11	Nhà công trình QLVH Tổ QLVHDD Chà Vål	4.762.409.986
12	Nhà làm việc Đội Truyền tải điện Đà Nẵng 2 (3 tầng) (Địa chỉ: Số 556, đường Hùng Vương, phường Hương Trà-TP Đà Nẵng)	9.300.822.289
13	Nhà nghỉ ca (2 tầng) Đội Truyền tải điện Đà Nẵng 2 (Địa chỉ: Số 556, đường Hùng Vương, phường Hương Trà-TP Đà Nẵng)	1.213.043.111
14	Nhà làm việc Tổ quản lý vận hành đường dây Nam Giang	5.227.402.303
15	Nhà công trình QLVH Đội TTĐ Sơn Hà (xã Sơn Thành - huyện Sơn Hà - tỉnh Quảng Ngãi)	378.945.172
16	Nhà công trình QLVH Đội TTĐ Quảng Ngãi (Đường lý thường kiệt - P. Nghĩa Chánh - TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi)	329.237.004
17	Nhà làm việc TTĐ Quảng Ngãi (168 Phạm Văn Đồng, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi)	11.521.989.316

18	Nhà công trình QLVH Đội Truyền tải điện Đắk Glei	2.306.999.950
19	Nhà công trình QLVH Đội Truyền tải điện Đắk Tô	2.833.450.498
20	Nhà công trình QLVH Đội Truyền tải điện Kon Tum	2.624.774.955
21	Nhà công trình QLVH Đội Truyền tải điện Kon Plông	195.419.667
22	Nhà công trình QLVH Đội sửa chữa thí nghiệm điện 2	2.827.809.600
C	Gía trị bảo hiểm trụ sở làm việc các Đội TTĐ và Công ty	76.380.572.223
D	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ BẢO HIỂM (A+B+C)	1.865.405.694.665

2. Yêu cầu về bảo hiểm

Loại hình bảo hiểm:	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính Phủ
Người được bảo hiểm:	Công ty Truyền tải điện 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia
Địa chỉ	220, Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Đối tượng được bảo hiểm:	Chi tiết theo Bảng kê danh mục tài sản bảo hiểm đính kèm
Địa điểm được bảo hiểm:	Theo danh mục tài sản bảo hiểm đính kèm
Thời hạn bảo hiểm:	10 tháng, dự kiến từ 0h00 ngày 01/03/2026 đến 24h00 ngày 31/12/2026
Trách nhiệm bảo hiểm	Trách nhiệm bảo hiểm sẽ phát sinh ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được ký và Người bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường các tổn thất phát sinh đối với các tài sản được bảo hiểm cho Người bảo được hiểm theo quy định tại hợp đồng kể từ thời điểm này.
Quyền lợi được bảo hiểm	Bảo hiểm mọi thiệt hại vật chất cho các tài sản tham gia bảo hiểm gây ra bởi các nguyên nhân không bị loại trừ bởi quy tắc bảo hiểm và các sửa đổi bổ sung.
Số tiền bảo hiểm:	<ol style="list-style-type: none"> Phần trạm biến áp: 1.787.260.188.078 VNĐ Phần trụ sở làm việc các Đội TTĐ và Công ty: 76.380.572.223 VNĐ

chc

3. Phần nhà kho: 1.764.934.364 VNĐ
Tổng giá trị tài sản tham gia bảo hiểm: 1.865.405.694.665 VNĐ

Bằng chữ: Một nghìn tám trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng.

(Chi tiết theo danh mục tài sản đính kèm)

Phạm vi bảo hiểm:

Theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính Phủ và có mở rộng nhưng không giới hạn đến các nguyên nhân sau:

Bao gồm những tổn thất, thiệt hại do cháy, nổ máy móc, thiết bị điện gây ra bởi các nguyên nhân: quá tải, chịu áp lực quá mức cho phép, ngắn mạch, phóng hồ quang, tự phát nóng hoặc bị rò điện, va đập hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào về điện, cơ trong hệ thống điện kể cả do sét đánh trực tiếp hay gián tiếp.

Sét đánh (tất cả những tổn thất do sét đánh trực tiếp hoặc gián tiếp (sét lan truyền) gây ra cháy, nổ hoặc làm biến dạng hư hỏng máy móc, thiết bị điện và những hạng mục tài sản tham gia bảo hiểm đề cập trong hồ sơ mời thầu thì thuộc phạm vi bảo hiểm).

Và các điều khoản bổ sung dưới đây :

1. Điều khoản về hệ thống thiết bị điện 4B;
2. Điều khoản về dọn dẹp hiện trường (Giới hạn 10% giá trị tổn thất, tối đa 01 tỷ đồng/vụ tổn thất);
3. Điều khoản về chi phí chữa cháy (Giới hạn: 10% giá trị tổn thất, tối đa 01 tỷ đồng/vụ tổn thất);
4. Điều khoản tự động mở rộng thời hạn bảo hiểm 30 ngày – Phí bảo hiểm bổ sung tính theo tỷ lệ;
5. Điều khoản chi phí làm ngoài giờ, làm đêm, làm ngày lễ, chi phí vận chuyển nhanh (giới hạn trách nhiệm: 500 triệu đồng/vụ tổn thất);
6. Điều khoản chi phí thuê chuyên gia : Giới hạn trách nhiệm: 200 triệu đồng/vụ và tối đa 01 tỷ đồng trong suốt thời hạn bảo hiểm ;
7. Điều khoản tự động khôi phục số tiền bảo hiểm;
8. Điều khoản về tạm ứng bồi thường (50% giá trị tổn thất);
9. Điều khoản về hồng hóc máy móc (Giới hạn: tối đa không quá 10% giá trị tổn thất và tổng cộng trong toàn bộ thời gian bảo hiểm không vượt quá 12 tỷ đồng);
10. Điều khoản về chi phí soạn lại tài liệu và lập hồ sơ khiếu nại – Giới hạn: 500 triệu đồng/vụ tổn thất

11. Điều khoản tài sản tăng (giới hạn: 10% số tiền bảo hiểm) – thông báo trong vòng 30 ngày.
12. Điều khoản về sửa chữa tạm thời (Giới hạn: 05 tỷ đồng / vụ tổn thất và cho toàn bộ thời gian bảo hiểm)
13. Điều khoản cam kết tiến độ thanh toán tổn thất
14. Điều khoản mở rộng rủi ro cháy bên trong, nổ hóa học bên trong và sét đánh trực tiếp. (Giới hạn trách nhiệm: 10 tỷ đồng /mỗi và mọi vụ)
15. Điều khoản bảo vệ tạm thời. (Giới hạn 10% giá trị tổn thất)
16. Điều khoản phát sinh do vận chuyển bằng đường hàng không. (Giới hạn trách nhiệm 01 tỷ đồng/vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm)
17. Điều khoản thiệt hại do dòng điện đột nóng (Giới hạn trách nhiệm 10 tỷ đồng/vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm)
18. Điều khoản bảo hiểm dưới giá trị 80%
19. Điều khoản về chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất (Giới hạn: 05 % tổng phí bảo hiểm);
20. Điều khoản bảo hiểm theo giá trị thay thế mới
21. Điều khoản điều chỉnh thời gian (72 giờ);
22. Điều khoản về định giá tài sản (Giới hạn trách nhiệm: 01 tỷ VNĐ/vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm);
23. Điều khoản về đôi và bộ
24. Điều khoản chi phí lắp đặt lại (giới hạn: 01 tỷ đồng/vụ tổn thất và trong toàn bộ thời gian bảo hiểm)
25. Điều khoản về chi phí hạn chế và phòng ngừa tổn thất (Giới hạn 01 tỷ đồng/vụ tổn thất và cho toàn bộ thời hạn bảo hiểm)
26. Điều khoản về chỉ định công ty giám định độc lập (HDC/RACO/FAST hoặc đơn vị giám định độc lập do nhà thầu đề xuất)
27. Điều khoản quy định về thông báo tổn thất 30 ngày
28. Điều khoản về tài sản trong khi di chuyển tạm thời (Giới hạn: 10% Số tiền bảo hiểm)
29. Điều khoản về chi phí cho việc phá dỡ, dọn dẹp hiện trường và lắp đặt ván che hàng rào tạm thời (Giới hạn trách nhiệm: 01 tỷ đồng/vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm)
30. Tuyên bố thông báo và tự động sửa chữa (Giới hạn: 01 tỷ

đồng cho bất kỳ một vụ nào) (tương đương điều khoản cấp bách và thông báo sửa chữa)

31. Điều khoản tài sản thuộc sự quản lý và trông coi của người được bảo hiểm (Giới hạn trách nhiệm: 01 tỷ đồng / vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm)

32. Điều khoản mở rộng bảo hiểm cho trộm cắp (Giới hạn trách nhiệm: 200 triệu đồng / vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm)

33. Điều khoản về nhà chức trách.

34. Điều khoản xây dựng và cải tạo nhỏ (Giới hạn trách nhiệm: 300 triệu đồng / vụ tổn thất và tổng cộng trong suốt thời hạn bảo hiểm)

35. Điều khoản về mô tả / Phân loại tài sản được bảo hiểm.

36. Điều khoản về thay đổi và sửa chữa

37. Điều khoản về vi phạm các điều kiện

38. Điều khoản về trượt giá và lạm phát 10%.

39. Điều khoản về loại trừ khủng bố

40. Điều khoản về loại trừ rủi ro máy tính (IT1-V)

41. Điều khoản loại trừ nhận biết ngày tháng

42. Điều khoản loại trừ thiệt hại liên quan tới dữ liệu điện tử

43. Điều khoản thưởng nếu không có tổn thất 5%

44. Điều khoản chi phí đề phòng hạn chế tổn thất (tối đa 5% phí bảo hiểm)

(Nội dung chi tiết điều khoản bổ sung theo Phụ lục đính kèm)

Và các điều khoản sửa đổi, bổ sung khác có lợi cho Người được bảo hiểm do Nhà thầu tự đề xuất (nếu có). Đối với các điều khoản sửa đổi bổ sung khác do nhà thầu tự đề xuất. Bên mời thầu sẽ xem xét, và có quyền quyết định sử dụng, hoặc không sử dụng các điều khoản sửa đổi bổ sung do nhà thầu tự đề xuất này. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với quyết định của Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Giới hạn trách nhiệm của các Điều khoản bổ sung là do Nhà thầu tự đề xuất, nhưng không được thấp hơn giới hạn tối thiểu được nêu ở trên.

Trong trường hợp có sự khác nhau giữa các điều theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính Phủ và điều khoản bổ sung này thì nội dung nào có lợi hơn cho Chủ đầu tư sẽ được

	ưu tiên áp dụng.
Mức khấu trừ:	Theo quy định tại Nghị định số: 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 và Nghị định số :105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính Phủ
Luật áp dụng:	Luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
Đơn vị tư vấn, môi giới bảo hiểm:	<p>Thông tin Đơn vị tư vấn, môi giới bảo hiểm: Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Nam Á Địa chỉ: Tầng 4, toà NO2, số 47 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân, TP Hà Nội. Điện thoại: 024. 32093209; Hotline: 0868 815815</p> <p>- Phí tư vấn, môi giới bảo hiểm: do nhà thầu ký Hợp đồng bảo hiểm cho gói thầu chi trả tối đa theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm.</p>
Phí bảo hiểm	<p>Nhà thầu nêu cụ thể tỷ lệ phí bảo hiểm, số phí bảo hiểm trước thuế, thuế giá trị gia tăng (VAT) và Tổng số phí bảo hiểm sau thuế (VAT). Phí bảo hiểm phải tuân thủ theo quy định Nghị định số: 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 và Nghị định số :105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính Phủ</p> <p><i>* Lưu ý: Tỷ lệ phí bảo hiểm và mức phí bảo hiểm tương ứng mà nhà thầu chào phải bao gồm toàn bộ các khoản phí và phụ phí cho phạm vi bảo hiểm và các chi phí liên quan khác (nếu có). Trường hợp có sự chênh lệch giá dự thầu giữa các nhà thầu do việc làm tròn số, Chủ đầu tư không xem xét phần chênh lệch này mà giá dự thầu sẽ được xác định là bằng nhau.</i></p>